

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai dự toán ngân sách xã đã được HĐND xã phê duyệt năm 2024

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 9543/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước và danh mục kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc phê duyệt dự toán thu-chi ngân sách xã năm 2024 của HĐND xã khóa VII, kỳ họp lần thứ 7;

Theo đề nghị của Tài chính-kế toán xã.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai dự toán ngân sách đã được HĐND xã phê duyệt năm 2024.

(có biểu mẫu kèm theo quyết định này)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng UBND xã, bộ phận tài chính xã tổ chức thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:  
-PTC huyện,  
-Đảng ủy xã  
-HĐND xã  
-Lưu:VT.



Huỳnh Văn Dũng



Biểu số 108/CK TC-NSNN

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024**  
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

NỘI DUNG		DỰ TOÁN		DỰ TOÁN	
<b>TỔNG SỐ THU</b>		<b>5.320.175.000</b>		<b>5.320.175.000</b>	
I. Các khoản thu xã hưởng 100%		445.000.000		106.000.000	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)		939.200.000		5.105.305.000	
III. Nguồn CCTL dùng để cân đối chi lương				108.870.000	
IV. Thu bổ sung		3.880.075.000			
- Bổ sung cân đối		3.129.731.000			
- Bổ sung có mục tiêu		750.344.000			
IV. Thu chuyển nguồn		55.900.000			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024***(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)*

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	<b>TỔNG THU</b>	<b>16.673.000.000</b>	<b>5.320.175.000</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>445.000.000</b>	<b>445.000.000</b>
	Phí, lệ phí	25.000.000	25.000.000
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	330.000.000	330.000.000
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	-	
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	-	
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định	-	
	Đóng góp của nhân dân theo quy định	-	
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	-	
	Thu khác	90.000.000	90.000.000
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>16.228.000.000</b>	<b>939.200.000</b>
1	Các khoản thu phân chia	1.305.000.000	215.000.000
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	28.000.000	28.000.000
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình	-	
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	94.000.000	17.000.000
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	1.183.000.000	170.000.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	14.923.000.000	724.200.000
	Thuế giá trị gia tăng	6.673.000.000	667.300.000
	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	569.000.000	56.900.000
	Thu tiền sử dụng đất	1.000.000.000	
	Tiền cho thuê đất	2.083.000.000	
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	7.000.000	

	Thuế tái nguyên	3.501.000.000	
	Thuế thu nhập cá nhân	440.000.000	
	Phí BVMT khai thác khoáng sản	650.000.000	
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	-	
IV	Thu chuyển nguồn		55.900.000
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	-	
VII	Nguồn CCTL dùng để cân đối chi tăng lương	-	
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		3.880.075.000
	- Thu bổ sung cân đối		3.129.731.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu		750.344.000



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>5.320.175.000</b>	<b>106.000.000</b>	<b>5.214.175.000</b>
1	Chi cho công tác dân tự vệ, an ninh trật tự an toàn xã hội	362.070.000		362.070.000
-	Chi dân quân tự vệ	256.800.000		256.800.000
-	Chi trật tự an toàn xã hội	105.270.000		105.270.000
2	Chi giáo dục và đào tạo	68.000.000		68.000.000
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-		-
4	Chi y tế	-		-
5	Chi văn hóa, thông tin	85.000.000		85.000.000
6	Chi phát thanh, truyền thanh	72.500.000		72.500.000
7	Chi thể dục thể thao	25.000.000		25.000.000
8	Chi bảo vệ môi trường	175.000.000		175.000.000
9	Chi các hoạt động kinh tế	204.440.000		204.440.000
-	Giao thông	40.000.000		40.000.000
-	Nông nghiệp-thủy lợi-hải sản	260.440.000	106.000.000	154.440.000
-	Lâm nghiệp	10.000.000		10.000.000
-	Thị chính	-		-
-	Thương mại, du lịch	-		-
-	Các hoạt động kinh tế khác	-		-
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.954.795.000		3.954.795.000
-	Trong đó: Quỹ lương	3.522.000.000		3.522.000.000
10.1	Quản lý nhà nước	465.295.000		465.295.000
10.2	Đảng cộng sản Việt nam	638.000.000		638.000.000
10.3	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	330.500.000		330.500.000

10.4	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	188.000.000		188.000.000
10.5	Hội liên hiệp Phụ nữ	161.000.000		161.000.000
10.6	Hội cựu chiến binh	158.000.000		158.000.000
10.7	Hội nông dân	206.000.000		206.000.000
10.8	Hội chữ thập đỏ xã	36.000.000		36.000.000
10.9	Hội người cao tuổi xã	16.000.000		16.000.000
10.10	Hội khuyến học xã	16.000.000		16.000.000
11	Chi cho công tác xã hội	113.500.000		113.500.000
-	Chi chúc thọ, mừng thọ cho người cao tuổi	35.000.000		35.000.000
-	Thăm hỏi động viên gia đình chính sách	11.500.000		11.500.000
-	Trợ cấp xã hội	-		-
-	Khác	67.000.000		67.000.000
12	Chi khác	45.000.000		45.000.000
13	Dự phòng ngân sách	108.870.000		108.870.000



## DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2024

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Mã Dự án	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm 2024			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khởi lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
									Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
<b>TỔNG SỐ</b>										
1. Công trình chuyển tiếp										
-										
Trong đó: hoàn thành trong năm										
-										
-										
2. Nguồn 50% hồ trợ đất trồng lúa theo ND62					1.256.048.000	122.727.000	106.000.000	0	106.000.000	
Kênh mương tuyến từ ngã ba nhà ông Cháp đến ngã tư nhà ông Châu	2023	8071467	429.525.000		429.525.000	36.727.000	50.000.000		50.000.000	
Kênh mương từ Trạm bơm đến QL19 ( dưới cả phê nổi nhờ)	2023	8071466	826.523.000		826.523.000	86.000.000	56.000.000		56.000.000	
Trong đó: hoàn thành trong năm										
-										
-										

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh



**KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2024**  
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023			KẾ HOẠCH NĂM 2024		
	THU	CHI	CHÉNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÉNH LỆCH (+) (-)
<b>TỔNG SỐ</b>						
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách						
Quỹ đền ơn đáp nghĩa	30.024.000	20.636.000	9.388.000	30.000.000	20.000.000	10.000.000
Quỹ Vì người nghèo	38.000.000	27.068.000	10.932.000	25.000.000	15.000.000	10.000.000
2. Các hoạt động sự nghiệp						
<b>Không phát sinh</b>						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi  
Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi